

Luyện tập

练习

1

Nghe và phân biệt các từ sau
听后辨别音节

- | | | | |
|-----------------|------------------|-----------------|-----------------|
| 1. đá tá | 4. đà thà | 7. tư thư | 10. vì phì |
| 2. ta tha | 5. đến nển | 8. bận vận | 11. thắm |
| 3. năm lăm | 6. đêm thêm | 9. len đen | 12. má mã |

2

Nghe và điền thanh điệu
听后填写声调

ban 朋友
nữ 女

ve 画画儿
vạn 万

cân 公斤
đủ 够

đến 到/来
tìm 找